TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:15/2022/HNGT – ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2022
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trang Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Ngọc Đại

2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Nhật Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Trần Hồng Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2022/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nhạc Thị Thanh N, sinh năm 1991, (có mặt).

Nơi cư trú: Phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Nơi ở hiện nay: Phường Y, thành phố B, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1980, (vắng mặt).

Nơi cư trú: Phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 6 năm 2022 và lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nhạc Thị Thanh N trình bày:

- Về tình cảm: Chị và anh Lê Văn C kết hôn ngày 07 tháng 7 năm 2010, trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân. Kết hôn xong chị về làm dâu và sống chung cùng gia đình anh C tại phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống vợ chồng đến đầu năm 2011 phát sinh mâu thuẫn,

nguyên nhân là do quan điểm sống và cách sống của hai vợ chồng khác nhau. Đến khoảng cuối năm 2011, do vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng nên chị và con đã chuyển ra ngoài sống. Từ đó đến nay chị và anh C sống ly thân, không còn quan tâm và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được và trên thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau được một thời gian rất dài nên chị xin được ly hôn anh C để có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

- Về con chung: Chị và anh C có một con chung là cháu Lê Thanh Gia B, sinh ngày 26/12/2010, hiện tại cháu đang ở với chị. Ly hôn chị có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, các khoản vay và cho vay chung của vợ chồng: Chị N không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

** Bị đơn anh Lê Văn C sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ và gửi các văn bản của Tòa án gồm*: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải...Tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập anh C nhiều lần đến Tòa để làm việc nhưng anh C cố tình trốn tránh và không nộp cho Tòa án các văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 01 tháng 8 năm 2022 bà Nguyễn Thị T là mẹ đẻ của anh Lê Văn C khai: Gia đình bà tổ chức lễ cưới cho chị N và anh C vào năm 2010. Sau khi cưới chị N về làm dâu và sống chung cùng gia đình bà, sau đó bà cho hai vợ chồng ăn riêng. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu bình thường nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Đến cuối năm 2011 do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị N đưa con ra ngoài ở riêng, từ đó đến nay chị N và anh C không ở cùng với nhau nữa.

Hiện tại anh C đi làm tự do ở thành phố Hà Nội nhưng vẫn thường xuyên về nhà. Việc chị N làm đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết anh C có được biết. Bà có nhận được thông báo thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án gửi đến cho anh C bà đều nhận hộ và đã thông báo cho anh C được biết. Nay chị N làm đơn xin ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị N, vì anh chị đã sống ly thân nhau từ lâu.

Về con chung: Bà T khai, quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh C có một con chung như lời trình bày của chị N. Hiện tại cháu B đang ở với chị N và chị N có đủ điều kiện để nuôi con nên đề nghị Tòa án xem xét cho chị N được nuôi con theo nguyện

vọng của chị N.

Tại phiên tòa: Chị N giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, xin nuôi con và không yêu cầu tòa án giải quyết về tài sản.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu.

* Về giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Cho chị Nhạc Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Văn C.

- Về con chung: Giao cho chị Nhạc Thị Thanh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh Gia B, sinh ngày 26/12/2010.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

- Về án phí sơ thẩm: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh Lê Văn C nhưng anh C vắng mặt tại Tòa lần thứ hai không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Chị Nhạc Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Văn C có hộ khẩu thường trú tại: Phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc. Đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc vào

năm 2020 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Qua xác minh tại địa phương nơi chị N và anh C có hộ khẩu thường trú và lời khai của bà Nguyễn Thị T là mẹ của anh C đều thể hiện: Chị N và anh C sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Nay chị N làm đơn xin ly hôn anh C, chính quyền địa phương cùng bà T đều không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, việc chị N làm đơn xin ly hôn anh C vì thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C đều vắng mặt. Do vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để anh chị về đoàn tụ với nhau được. Qua xác minh tại địa phương nơi chị N, anh C có hộ khẩu thường trú và lời khai của bà T là mẹ anh C đều xác định anh chị đã sống ly thân được một thời gian dài từ năm 2011 đến nay, không còn liên lạc và hoàn toàn bỏ mặc nhau trong cuộc sống. Anh C có biết việc chị N làm đơn xin ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện quan hệ vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N với anh C.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị N và anh C có một con chung là cháu Lê Thanh Gia B, sinh ngày 26/12/2010. Hiện tại cháu đang ở với chị N. Ly hôn chị N có nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của chị N là hoàn toàn thực tâm. Do anh C không đến Tòa án làm việc nên hai bên không thỏa thuận được việc nuôi con. Theo quy định của pháp luật khi quyết định giao con cho một người chăm sóc, nuôi dưỡng phải xem xét đến điều kiện thực tế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và ý kiến của con từ đủ 07 tuổi trở lên để quyết định giao cho bố hoặc mẹ. Trên thực tế, từ khi chị N và anh C sống ly thân cháu B sống cùng với chị N và theo nguyện vọng của cháu B xin được ở với chị N. Do vậy, cần giao cho chị N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung, tài sản riêng, khoản vay, cho vay và công sức đóng góp: Chị N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nhạc Thị Thanh N được ly hôn với anh Lê Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Nhạc Thị Thanh N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Thanh Gia B, sinh ngày 26/12/2010.

Ghi nhận chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh C có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

3. Về án phí: Chị Nhạc Thị Thanh N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số: 0000808 ngày 27 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân thành phố Phúc Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường H;
- Lưu HSVA; Văn phòng.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trang Nhung